

Bản án số: 20/2026/HS-ST

Ngày: 21- 5 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nông Thị Đào và ông Nguyễn Văn Lợi.

Thư ký phiên tòa: Bà Khổng Thị Thuy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3- Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Bàn Văn Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân khu vực 3 - Tuyên Quang xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 19/2026/TLST-HS, ngày 05/5/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2026/QĐXXST-HS, ngày 11/5/ 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đặng Văn H**, sinh ngày 20/01/1973 tại tỉnh Tuyên Quang. Nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã T, tỉnh Tuyên Quang; nơi ở hiện tại: Khu vực H, lòng hồ T, xã T, tỉnh Tuyên Quang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Dao; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 0/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; bố đẻ: Đặng Xuân P (đã chết); mẹ đẻ: Lý Thị P1 (đã chết); vợ: Bàn Thị L, sinh năm 1971; con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 1995.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho bị cáo Đặng Văn H:* Ông Phạm Thế N - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T. Có mặt tại phiên tòa.

** Người làm chứng:* Bà Bàn Thị L, sinh năm 1971. Nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã T, tỉnh Tuyên Quang; nơi ở hiện tại: Khu vực H, lòng hồ T, xã T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 09/01/2026, Đặng Văn H đi chăn dê ở khu vực rừng gần thác Năm Me, lòng hồ thủy điện N1, thuộc xã T, tỉnh Tuyên Quang thì gặp một người đàn ông (không xác định tên, tuổi, địa chỉ) mang theo 01 khẩu súng tự chế có kích thước tổng chiều dài 111cm, H đã nảy sinh ý định mua súng về để săn bắn chim nên hỏi mua thì người đàn ông đồng ý bán 01 khẩu súng tự chế và 01 viên đạn tự chế với giá 1.600.000đ, H mang súng, đạn về cất giấu tại nhà bè nuôi cá của gia đình tại khu vực H, hồ T.

Khoảng 17 giờ ngày 13/01/2026, H lấy súng cho vào bao tải và để 01 viên đạn vào túi áo ngực bên trái rồi lên thuyền đánh cá của một người đàn ông (không xác định tên, tuổi, địa chỉ) đi sang đồi cây (đổi diện thuộc khu vực N) để săn bắn chim. Khi đến nơi H lấy súng từ trong bao tải ra (chưa lắp đạn) thì bị Tổ công tác của Công an xã T phát hiện, H đã khai nhận và giao nộp 01 khẩu súng và 01 viên đạn cho Công an xã T.

- Tại Kết luận giám định số 293/KL-KTHS, ngày 29/01/2026 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận:

+ Mẫu vật A1 (khẩu súng) gửi giám định có hình dáng và cấu tạo phù hợp với loại súng bắn đạn ghém không tự động; súng có các bộ phận cơ bản gồm thân súng, bộ phận cò thuộc vũ khí quân dụng được quy định tại điểm e, khoản 2 Điều 2 theo Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ. Tại thời điểm giám định không có đạn phù hợp để bắn thực nghiệm nên không tiến hành bắn thực nghiệm được, thao tác không lắp đạn thấy các bộ phận hoạt động bình thường.

+ Mẫu vật A2 (viên đạn) gửi giám định là đạn tự chế, cỡ 32 thuộc vũ khí quân dụng theo phụ lục 1 “Danh mục vũ khí quân dụng” Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ C. Viên đạn này sử dụng được cho súng bắn đạn ghém không tự động cỡ nòng 32 hoặc các loại súng tự chế cỡ nòng phù hợp. Viên đạn gửi giám định ký hiệu A2 không lắp vừa ổ chứa đạn và không sử dụng được cho khẩu súng A1.

Cáo trạng số 43/CT-VKSTQ-P2, ngày 04 tháng 5 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo về tội Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép vũ khí quân dụng quy định tại khoản 1 Điều 304 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Đặng Văn H về tội danh, điều luật như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 304, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố: Bị cáo Đặng Văn H phạm tội Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép vũ khí quân dụng.

- Xử phạt bị cáo Đặng Văn H từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 21/5/2026.

- Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo do bị cáo là lao động tự do không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị.

- Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 61, Điều 63, Điều 66 của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ: Tịch thu giao cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh T tiếp nhận, xử lý theo thẩm quyền đối với: 01 khẩu súng tự chế có kích thước dài 111cm, báng súng làm bằng gỗ dài 38cm, bản rộng nhất 10,5cm, nòng súng bằng kim loại dài 71cm; 01 viên đạn tự chế có chiều dài 5,2cm.

- Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo; áp dụng các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tuyên quyền kháng cáo đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu; bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ văn hoá thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 304, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng mức khởi điểm án treo theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử cho được hưởng mức án nhẹ nhất và được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận:

Từ ngày 09/01/2026, Đặng Văn H đã thực hiện hành vi mua bán, tàng trữ trái phép 01 khẩu súng tự chế (kích thước tổng chiều dài 111cm, báng súng làm

bằng gỗ dài 38cm, bản rộng nhất 10,5cm, nòng súng bằng kim loại dài 71cm) và 01 viên đạn tự chế có chiều dài 5,2cm đều là vũ khí quân dụng.

Khoảng 17 giờ ngày 13/01/2026, H thực hiện hành vi vận chuyển trái phép súng, đạn (là vũ khí quân dụng) để nhằm mục đích săn bắn chim tại khu vực đồi cây thuộc khu vực N, lòng hồ thủy điện N1, xã T, tỉnh Tuyên Quang thì bị tổ công tác công an xã T kiểm tra, phát hiện và thu giữ toàn bộ vật chứng.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo Đặng Văn H về tội Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép vũ khí quân dụng, theo quy định tại khoản 1 Điều 304 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về quản lý vũ khí quân dụng, gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo biết rõ việc tàng trữ, mua bán, vận chuyển súng đạn là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện do sở thích săn bắn của cá nhân. Do đó, cần xử bị cáo mức án tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo, như vậy mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ý thức tuân theo pháp luật đồng thời nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, cần xem xét cho bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, không có trình độ văn hoá nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và để thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước nên không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù có thời hạn mà cho bị cáo được hưởng án treo, đồng thời ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách là phù hợp và để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo là lao động tự do không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ:

Đối với 01 khẩu súng tự chế có kích thước dài 111cm, báng súng làm bằng gỗ dài 38cm, bản rộng nhất 10,5cm, nòng súng bằng kim loại dài 71cm; 01 viên đạn tự chế có chiều dài 5,2cm. Đây là vũ khí mà bị cáo tàng trữ, sử dụng trái phép, thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép. Vì vậy cần tịch thu và giao cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh T tiếp nhận, xử lý theo quy định.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo H thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Các nội dung khác:

Đối với người đàn ông bán súng cho bị cáo H do không xác định được tên, tuổi, địa chỉ nên không đề cập xử lý.

Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 304, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố: Bị cáo Đặng Văn H phạm tội Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép vũ khí quân dụng.

- Xử phạt bị cáo Đặng Văn H **01 (một)** năm **03 (ba)** tháng tù cho hưởng án treo, thử thách **02 (hai)** năm **06 (sáu)** tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 21/5/2026.

Giao bị cáo Đặng Văn H cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 61; Điều 63; Điều 66 của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

Tịch thu và giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh T tiếp nhận, xử lý: 01 khẩu súng tự chế có kích thước dài 111cm, báng súng làm bằng gỗ dài 38cm, bản rộng nhất 10,5cm, nòng súng bằng kim loại dài 71cm; 01 viên đạn tự chế có chiều dài 5,2cm

Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh T với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3-Tuyên Quang ngày 07/5/2026.

3. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đặng Văn H.

Bị cáo Đặng Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Sở tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 3-Tuyên Quang;
- Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Thượng Lâm;
- Người tham gia tố tụng;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Quỳnh